

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024-2025
(Đính kèm Quyết định số 215/QĐ - THPT THĐ, ngày 27/8/2024)

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDĐP
1	Nguyễn Văn Hiếu	Toán	3 10A04,08,13		1 12A03	
2	Nguyễn Bích Trâm	Toán	1 10A17	2 11A04,16	2 12A01,09	
3	Võ Hữu Phước	Toán	3 10A07,15,18	1 11A10		1 11A14
4	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Toán	3 10A05,14,21	1 11A11		1 11A11
5	Trần Tuấn Anh	Toán	1 10A02		2 12A05,18	1 10A02
6	Võ Thị Hồng Điệp	Toán	2 10A03,11	1 11A09		1 11A09
7	Trần Quỳnh Hương	Toán	3 10A06,12,20	1 11A05		1 10A20
8	Thân Thị Thanh Tú	Toán		2 11A06,08	2 12A07,16	
9	Hoàng Thị Kim Liên	Toán		2 11A14,17	2 12A08,11	
10	Phan Thanh Tâm	Toán		2 11A02,18	2 12A06,19	

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
11	Hoàng Trung Kiên	Toán	1 10A01		2 12A02,12	1 12A02
12	Nguyễn Thị Bích Phượng	Toán		1 11A07	2 12A10,15	
13	Ngô Bùi Thụy Trang	Toán	1 10A19			7 10A05,08,14,15,18,19,21
14	Thái Thị Lý	Toán	1 10A16	2 11A12,19		1 10A16
15	Nguyễn Thị Minh Nhờ	Toán	1 10A10		2 12A04,14	1 12A04
16	Bùi Quỳnh Hương	Toán		4 11A01,03,13,15		
17	Thái Lê Minh Lý	Toán	1 10A09		2 12A13,17	1 12A13
18	Nguyễn Thụy Quỳnh Như	Vật lí			4 12A04,06,11,XH	
19	Trần Văn Lộc	Vật lí	2 10A01,13		2 12A03,12	
20	Lê Thị Kim Di	Vật lí		5 11A02,03,08,09,XH		
21	Nguyễn Phong Hùng	Vật lí		3 11A01,07,XH	2 12A02,09	

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
22	Nguyễn Thị Vân Hồng	Vật lí	2 10A07,16	2 11A06,11		
23	Cao Hải Oanh	Vật lí	4 10A02,06,14,XH		2 12A08,14	
24	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Vật lí	1 10A10		3 12A07,10,XH	
25	Trần Thị Liên	Vật lí		4 11A04,10,12,13		1 11A10
26	Nguyễn Thị Phương Nhung	Vật lí	6 10A03,04,05,11,15,XH			
27	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	Vật lí	2 10A08,09	3 11A05,14,XH		
28	Trần Thị Thu Thủy	Vật lí	1 10A12		4 12A01,05,13,XH	
29	Nguyễn Chí Cương	Hóa học		4 11A01,03,13,XH	2 12A03,09	
30	Trần Thị Hiền Chung	Hóa học		2 11A07,12	3 12A06,12,XH	
31	Phạm Thị Phương Đào	Hóa học	2 10A07,12		2 12A04,08	1 10A07
32	Phạm Thị Anh Thu	Hóa học	5 10A05,10,15,16,XH		2 12A07,13	

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
33	Trần Thị Hoài Thu	Hóa học	3 10A01,09,11		2 12A01,11	
34	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Hóa học	3 10A03,13,14	3 11A02,04,10		
35	Trần Nguyên Thông	Hóa học	2 10A04,08	3 11A06,09,14		1 10A04
36	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Hóa học	2 10A02,06		2 12A05,14	1 10A06
37	Trang Thanh Tú	Hóa học		3 11A05,08,11	2 12A02,10	1 11A05
38	Phạm Ngọc Trung Dương	Sinh học		5 11A01,07,09,12	2 12A02,08	
39	Phan Thị Phú	Sinh học		3 11A02,05,10	2 12A04,10	
40	Võ Thị Thu Hằng	Sinh học	4 10A03,04,07,13	4 11A06,11,13,14		
41	Phan Thị Linh Giang	Sinh học	4 10A01,11,16,XH		2 12A11,14	
42	Nguyễn Hồng Thủy	Sinh học	6 10A06,08,09,12,14,15		2 12A09,12	
43	Trương Thị Tuyết Mai	Sinh học	4 10A02,05,10,XH		3 12A06,13,XH	

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
44	Vũ Thị Thùy Vân	Sinh học		3 11A03,04,08,XH	2 12A03,07	
45	Phạm Thị Hồng Lâm	Sinh học			2 12A01,05	
46	Phạm Quốc Mạnh	Công nghệ		3 11A02,04,09		3 11A02,03,04
47	Nguyễn Ngọc Sơn	Công nghệ	6 10A13,14,15,16,18,19		3 12A06,08,18	
48	Phan Quang Thịnh	Công nghệ	4 10A12,17,20,21	5 11A03,08,10,15,16		
49	Lê Thị Hương Thủy	Ngữ văn		2 11A15,18	2 12A02,04	
50	Lê Thị Thuận	Ngữ văn		1 11A16	2 12A05,16	
51	Phạm Thị Thu	Ngữ văn		1 11A01	3 12A08,13,15	
52	Trần Thị Thu Phương	Ngữ văn	2 10A01,15	2 11A10,19		
53	Lê Thị Thanh Thùy	Ngữ văn	3 10A04,07,13	3 11A05,06,09		
54	Nguyễn Thị Vân Anh	Ngữ văn	2 10A11,19	2 11A04,13		

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
55	Mai Đức Đăng Khoa	Ngữ văn	6 10A03,05,06,12,16,21			
56	Mai Đỗ Vân Trang	Ngữ văn	2 10A09,20	2 11A02,12		
57	Nguyễn Thị Thảo	Ngữ văn		3 11A07,11,14	3 12A03,06,17	
58	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Ngữ văn		1 11A17	3 12A09,11,14	
59	Hoàng Thị Hồng Nhung	Ngữ văn	2 10A14,18	2 11A03,08		
60	Lê Duy Ban	Ngữ văn	3 10A02,08,10		3 12A01,10,18	
61	Nguyễn Kim Mỹ Hằng	Ngữ văn	1 10A17		3 12A07,12,19	
62	Trương Thị Mỹ Hương	Lịch sử	8 10A05,07,08,09, 13,14,19,20		5 12A04,08,12,14,18	
63	Lê Thị Hiền	Lịch sử	8 10A02,04,06,10, 12,16,17,18	6 11A03,06,07,11,16,19		
64	Lê Thu Hà	Lịch sử	5 10A01,03,11,15,21		6 12A01,05,09, 13,15,16	

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
65	Trần Ngọc Giang	Lịch sử		7 11A01,04,05,08, 10,13,17	4 12A02,06,10,19	
66	Nguyễn Thị Hằng	Lịch sử		6 11A02,09,12,14,15,18	4 12A03,07,11,17	
67	Dương Thị Ngọc Sương	Địa lý			3 12A015,16,17	1 12A17
68	Vũ Thị Thu Hằng	Địa lý		2 11A16,17		12 10A06,07,11,12,16 12A01,04,07,10,13,14,16
69	Nguyễn Thị Huyền	Địa lý	2 10A18,21			9 10A09,18,21 12A03,06,09,12,15,17
70	Vũ Thị Khuyên	Địa lý	1 10A20		2 12A18,19	5 10A01,03,08,15,20
71	Hoàng Thị Hảo	Địa lý		3 11A15,18,19		5 10A02,04,05,13,14
72	Trương Thị Nụ	Địa lý	2 10A17,19			9 10A10,17,19 12A02,05,08,11,18,19

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
73	Trần Thị Hương Lan	Tiếng Anh	2 10A11,17		2 12A04,10	
74	Lương Thị Giang	Tiếng Anh		2 11A08,15	2 12A02,16	1 12A16
75	Nguyễn Tấn Quê	Tiếng Anh		3 11A02,12,19	2 12A03,09	
76	Trần Hồ Thúy Hường	Tiếng Anh	2 10A10,20		2 12A12,15	
77	Lê Huyền Thùy Dương	Tiếng Anh	5 10A02,12,13,18,19			1 10A12
78	Ngô Kim Hòa	Tiếng Anh		3 11A04,10,13	2 12A08,13	1 11A13
79	Nguyễn Thị Khanh	Tiếng Anh		2 11A01,09	2 12A11,14	
80	Hồ Thị Ánh Loan	Tiếng Anh	3 10A05,14,21			
81	Ng. Đình Phương Anh	Tiếng Anh	2 10A06,08	3 11A06,11,18		1 11A06
82	Đỗ Vũ Hùng Anh	Tiếng Anh	4 10A03,04,15,16		1 12A18	1 10A03
83	Lê Thị Hoài Nhi	Tiếng Anh	3 10A01,07,09		2 12A06,19	

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
84	Nguyễn Hữu Phúc	Tiếng Anh		3 11A05,14,17	2 12A01,05	
85	Nguyễn Tha Thuỳ Lê	Tiếng Anh				Nghỉ sinh
86	Đỗ Lê Quỳnh Như	Tiếng Anh		3 11A03,07,16	2 12A07,17	
87	Nguyễn Thị Diễm Kiều	Tin học			5 12A02,12,13,14,16	2 10A01,09
88	Đặng Lê Xuân Ánh Nguyệt	Tin học			4 12A03,05,07,17	5 12A01,05,06,14,19
89	Nguyễn Thị Ngân	Tin học			4 12A04,10,11,19	5 12A03,07,08,09,15
90	Võ Hữu Tài	Tin học	6 10A02,03,07,08,09,10			3 12A10,11,12
91	Nguyễn Quốc An	Tin học			3 12A01,09,15	
92	Phan Thị Kim Ngân	Tin học		5 11A01,05,13,14,17		4 11A07,08,15,18

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
93	Hoàng Minh Long	Tin học		6 11A06,07,11,12,18,19		2 11A01,12
94	Nguyễn Thị Miên	Tin học	5 10A01,04,05,06,11			4 10A10,11,13,17
95	Văn Công Hoàng	GDTC	7 10A02,03,11,12,13,17,18		1 12A02	
96	Vũ Trường Hải	GDTC			2 12A01,15	
97	Hà Văn Oanh	GDTC		7 11A01,04,05,07,10,11,19	3 12A06,10,11	
98	Phan Hoài Nhân	GDTC	6 10A01,10,15,16,19,21		1 12A19	
99	Huỳnh Tấn Khanh	GDTC		7 11A02,06,08,09,12,13,17	3 12A03,12,18	
100	Lê Xuân Hùng	GDTC	8 10A04,05,06,07,08,09,14,20		2 12A13,17	

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
101	Trần Thị Ngọc Phiến	GDTC		2 11A14,18	7 12A04,05,07,08,09,14,16	
102	Lê Hồng Dũng	GDQP	11 10A01,05,06,07,08, 10,12,13,19,20,21		6 12A03,06,12,14,17,18	
103	Đào Mạnh Hùng	GDQP	10 10A02,03,04,09,11, 14,15,16,17,18		5 12A01,05,09,15,16	
104	Trần Thị Hà	GDQP		7QP+3GDTC 7:11A01,03,09,13,14,15,16 3: 11A03,15,16		
105	Bùi Anh Tú	GDQP		12 11A02,04,05,06,07,08,10, 11,12,17,18,19	8 12A02,04,07,08, 10,11,13,19	
106	Nguyễn Thị Thúy Nga	GDKT-PL			3 12A15,16,18	1 12A18
107	Võ Thị Bích Phượng	GDKT-PL	4 10A18,19,20,21			10 11A01,03,05,07,09, 11,12,15,17,19
108	Mai Thị Phúc	GDKT-PL		2 11A15,18	2 12A17,19	9 11A02,04,06,08, 10,13,14,16,18

STT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	HĐTN GDDP
109	Lê Thị Tố Loan	GDKT-PL	1 10A17	3 11A16,17,19		3 11A16,17,19